

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và định hướng nhiệm vụ quý IV năm 2026 của xã Ba Vì

Căn cứ Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Ba Vì về cải cách hành chính năm 2026 trên địa bàn xã Ba Vì.

Ủy ban nhân dân tỉnh xã báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III và định hướng nhiệm vụ quý IV năm 2026 của xã như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về chỉ đạo, điều hành CCHC

- Tiếp tục thực hiện các quy định, hướng dẫn của Trung ương về CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và triển khai Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ xã đã chủ động rà soát, tổng hợp xây dựng và ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 của xã để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2026¹. Kế hoạch CCHC năm 2026 xác định cụ thể 58 nhiệm vụ phải thực hiện, tiến độ hoàn thành để yêu cầu các cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả. Đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ CCHC².

- Ban hành Kế hoạch Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xã Ba Vì³. Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi⁴. Ban hành Kế hoạch Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 xã Ba Vì⁵.

- Các cơ quan, đơn vị đã tham mưu UBND xã ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác CCHC, quan tâm triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC trên tất cả các lĩnh vực và đạt được một số kết quả nhất định. Đòi hỏi các cơ quan, đơn vị cần nỗ lực, phấn đấu nhiều hơn nữa. Để cải thiện trong thời

¹ Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026 tỉnh Quảng Ngãi.

² Công văn số 2042/UBND-TTHC ngày 16/3/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC và kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2026.

³ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 04/05/2026 Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xã Ba Vì

⁴ Công văn số 632/UBND ngày 28/5/2026 về triển khai Quyết định Ban hành Quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Quảng Ngãi

⁵ Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 12/02/2026 về Cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 xã Ba Vì

gian tới. Bám sát Kế hoạch CCHC năm, UBND xã đã quán triệt kỷ luật kỷ cương hành chính đến toàn thể cán bộ, công chức, người lao động, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc triển khai toàn diện nhiệm vụ CCHC tại cơ quan, đơn vị.

- Các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trong năm 2026: Không có nhiệm vụ giao UBND xã báo cáo.

2. Về kiểm tra CCHC

Nhằm tăng cường công tác kiểm tra CCHC, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong năm 2026, chỉ đạo Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch kiểm tra, Quyết định kiểm tra và thành lập Đoàn kiểm tra⁶; theo đó, đã tiến hành kiểm tra 04 phòng và có kết luận đề nghị các cơ quan, đơn vị khắc phục bằng văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị⁷ khắc phục trong thời gian tới.

3. Về tuyên truyền CCHC

- Ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2026 xã Ba Vì để làm cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2026⁸. Theo đó, năm 2026 tỉnh xác định tập trung tuyên truyền về tình hình, kế hoạch, kết quả CCHC nổi bật của xã trong thời gian qua. Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nhằm góp phần nâng cao đời sống xã hội và tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả tích cực đạt được trong công tác CCHC của tỉnh. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Ngoài các kênh truyền thống, UBND xã đã chỉ đạo tuyên truyền bằng nhiều hình thức: Sử dụng mạng xã hội hỗ trợ tuyên truyền; nâng cao chất lượng tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử xã; tuyên truyền thông qua các hội nghị...

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Trong kỳ báo cáo không xây dựng, ban hành văn bản QPPL.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật

UBND xã luôn xác định lĩnh vực trọng tâm theo dõi tình hình thi hành pháp luật về an sinh xã hội; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức theo dõi đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP. Thường xuyên phối hợp trong công tác theo dõi quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng. Trong kỳ báo cáo đã xử lý 02 trường hợp vi phạm.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL)

Phối hợp tổ chức tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng gắn với phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tập trung vào các nội dung như: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật Xử lý vi phạm hành chính;

⁶ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 05/6/2026 Về việc thành lập Đoàn Kiểm tra cải cách hành chính năm 2025 trên địa bàn xã Ba Vì.

⁷ 1360/UBND ngày 13/9/2026 V/v khắc phục kiểm tra công tác cải cách hành chính (CCHC); văn thư, lưu trữ; công tác thanh niên và bình đẳng giới tại UBND xã Ba Vì.

⁸ Kế hoạch số 56 /KH-UBND ngày 26/3/2026.

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Lâm nghiệp; pháp luật về an toàn giao thông; phòng, chống ma túy và các quy định pháp luật khác liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân. Qua công tác tuyên truyền, nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân từng bước được nâng cao. Đồng thời, đã phát hiện, xử lý 02 vụ việc tảo hôn trên địa bàn theo quy định của pháp luật, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 2.000.000 đồng/vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

Tiến hành tự kiểm tra, rà soát các văn bản do HĐND và UBND xã ban hành để kịp thời phát hiện văn bản không còn phù hợp, từ đó đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ cho đúng quy định hiện hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

*** Đối với Văn phòng HĐND&UBND xã**

- Triển khai thực hiện nghiêm túc việc công khai TTHC và tiến độ giải quyết hồ sơ. Đặc biệt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, đã tập trung triển khai các giải pháp để giải quyết nhanh, hiệu quả đối với các TTHC lĩnh vực tư pháp (chứng thực, hộ tịch). Quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ đảm bảo tính chuyên nghiệp, rút ngắn thời gian chờ đợi, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Cụ thể:

- Công khai TTHC và tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC, số liệu tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2025 đến ngày 14 tháng 9 năm 2026: Tổng số hồ sơ 453 hồ sơ; trong đó: Chứng thực chữ ký: 131 hồ sơ, Chứng thực bản sao từ bản chính: 277 hồ sơ, Chứng thực hợp đồng, giao dịch 45 hồ sơ, giải quyết trước hạn 452 hồ sơ, giải quyết quá hạn (đã hoàn thành): 10 hồ sơ.

*** Đối với Trung tâm phục vụ Hành chính công xã**

- Triển khai thực hiện nghiêm túc việc công khai TTHC và tiến độ giải quyết hồ sơ. Đặc biệt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, đã tập trung triển khai các giải pháp để giải quyết nhanh, hiệu quả đối với các TTHC lĩnh vực tư pháp (chứng thực, hộ tịch). Quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ đảm bảo tính chuyên nghiệp, rút ngắn thời gian chờ đợi, nâng cao chất lượng phục vụ và sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến giao dịch.

- Trong quý III năm 2026 (thống kê từ ngày 15/6/2026 đến ngày 14/9/2026), tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã tiếp nhận trong kỳ có 669 hồ sơ, trong đó: hình thức trực tuyến 463 hồ sơ; hình thức trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính 172 hồ sơ và có 34 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang, Trong đó: - Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 658 hồ sơ (trong đó: giải quyết trước hạn và đúng hạn 605 hồ sơ, quá hạn: 25 hồ sơ); - Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 28 hồ sơ; trong đó, trong hạn 13 hồ sơ; quá hạn 15 hồ sơ.

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã và các thôn tuyên truyền về hoạt động công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2026; tuyên truyền việc triển khai Mô hình “Điểm tiếp nhận dịch vụ công” tại điểm thôn

K rên⁹, xã Ba Vì nhằm tạo điều kiện cho người dân biết và thực hiện các thủ tục hành chính do Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Ba Vì triển khai thực hiện.

- Thực hiện truyền thông với nhiều hình thức như: tuyên truyền trên đài truyền thanh xã đồng thời lồng ghép tại các cuộc họp, hội nghị để tuyên truyền về công tác kiểm soát TTHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn xã về ý nghĩa, mục tiêu và tầm quan trọng của công tác kiểm soát TTHC. Tuyên truyền lợi ích của việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến được áp dụng phí, lệ phí không đồng theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuyên truyền rộng rãi đến tổ chức, cá nhân về các TTHC được tiếp nhận hồ sơ, giải quyết trả kết quả theo thẩm quyền. Tuyên truyền thực hiện hình thức thanh toán trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, nhằm tăng tỷ lệ thực hiện các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến của xã.

- Đã thực hiện tham mưu Ủy ban nhân dân xã thành lập đoàn công tác kiểm tra kiểm tra nội bộ hoạt động kiểm soát TTHC năm 2026 trên địa bàn xã theo kế hoạch đã xây dựng. Công tác kiểm tra đã được tổ chức¹⁰ trong cuối quý II năm 2026 và tiếp tục thực hiện xuyên suốt trong năm; tập trung vào các lĩnh vực về giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, kiểm tra việc hướng dẫn, tiếp nhận, xử lý, trả kết quả cho người dân, tổ chức, bám sát quy trình nội bộ do các phòng chuyên môn tra để đánh giá kịp thời, toàn diện tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, nhằm phòng ngừa, chấn chỉnh kịp thời những tồn tại, hạn chế xử lý kịp thời các hành vi sai trái, thực hiện không đúng với chỉ đạo, quy định về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC; nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công chức trong thực hiện kiểm soát TTHC.

- Xây dựng kế hoạch¹¹, phối hợp với cơ quan chuyên môn xã triển khai thực hiện kế hoạch khảo sát chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp khi đến thực hiện các thủ tục hành chính tại Trung tâm.

- Kết quả phiếu khảo sát qua phiếu đánh giá có 220 lượt đánh giá từ người dân, doanh nghiệp (*trong đó: Rất hài lòng: 209 lượt, tỷ lệ 95%; Hài lòng: 11 lượt, tỷ lệ 5%; Bình thường: 00 lượt, 0%; Không hài lòng/rất tệ: 00 lượt, 0%*).

- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 95%; Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 100%; Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn 100%

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm đối với cán bộ, công chức cấp xã. 100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành nghiêm kỷ cương, kỷ luật hành chính trong thực thi công vụ.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác tài chính - ngân sách; quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định; thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm và chống lãng phí.

⁹ Công văn số 05/TTPVHCC ngày 16/3/2026 của TTPVHCC xã về việc tuyên truyền đến người dân và doanh nghiệp về các thủ tục hành chính do Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Ba Vì triển khai Mô hình “Điểm tiếp nhận dịch vụ công” tại điểm thôn K rên, xã Ba Vì.

¹⁰ 310/BC-UBND ngày 08/9/2026 Kết quả kiểm tra nội bộ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026

¹¹ Kế hoạch số 01/KH-TTPVHCC ngày 30/01/2026 kế hoạch Khảo sát mức độ hài lòng của người dân trong thực hiện các Thủ tục hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện nghiêm túc việc sắp xếp, kiện toàn các tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng đề án, trong đó đã sắp xếp giảm từ 6 trường xuống còn 3 trường, đảm bảo bộ máy vận hành thông suốt, tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả¹².

- Về quản lý, sử dụng biên chế: Chấp hành nghiêm chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao là hiện có mặt đến 14/9/2026 là 32/32 biên chế, trung tâm Cung ứng dịch vụ công là 4/4 biên chế, giáo dục là 150/155 biên chế và trạm y tế là 18/18 biên chế¹³; bố trí nhân sự gắn liền với đề án vị trí việc làm và thực hiện tốt công tác tinh giản biên chế theo lộ trình.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Triển khai đồng bộ các quy định phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền, qua đó đề cao tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của cơ sở và nâng cao hiệu quả quản lý điều hành chung.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức, UBND xã xây dựng vị trí việc làm công chức trong các cơ quan trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Ủy ban nhân dân xã đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm công chức¹⁴.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

Trong quý III năm 2026, UBND xã không tuyển dụng, xét tuyển.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

- Đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức theo đúng quy định, đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện và phát huy năng lực chuyên môn. Ra quyết định các trường hợp dôi dư do sắp xếp và thôi giữ chức vụ đối với các thầy cô lãnh đạo quản lý giảm từ 17 lãnh đạo, quản lý còn 12 lãnh đạo, quản lý¹⁵.

d) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, hòa chung với tinh thần của cả nước trong việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân xã đã có nhiều chỉ đạo nhằm tăng

¹² 76/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 Về việc sáp nhập Trường Mầm non Ba Vi, Trường Mầm non Ba Tiêu và Trường Mầm non Ba Ngạc thành Trường Mầm non Ba Vi; 77/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 Về việc thành lập Trường Tiểu học Ba Vi trên cơ sở tổ chức lại cấp tiểu học của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Vi, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Tiêu, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Ngạc; 78/QĐ-UBND ngày 18/8/2026 Về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Ba Vi trên cơ sở tổ chức lại bộ phận Trung học cơ sở của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Vi, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Tiêu, Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Ba Ngạc.

¹³ 82/QĐ-UBND ngày 04/9/2026 về Quyết định giao biên chế; 81/QĐ-UBND ngày 4/9/2026 Về việc giao biên chế viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và số lao động hợp đồng theo Nghị định 111 cho Khối Chính quyền xã, năm 2026.

¹⁴ Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của UBND xã

¹⁵ Các quyết định thôi giữ chức vụ từ quyết định số 673-677/QĐ-UBND ngày 25/8/2026;

cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nhất là trong việc giải quyết những công việc, TTHC cho tổ chức, công dân¹⁶. Qua theo dõi cho thấy tình hình thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đã có những chuyển biến tích cực, có ý thức rõ hơn trách nhiệm phục vụ Nhân dân; tình trạng đi muộn, về sớm, sử dụng thời gian hành chính cho việc riêng từng bước được khắc phục. Đặc biệt, tinh thần “*làm hết việc chứ không hết giờ*” ngày càng lan tỏa, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và củng cố niềm tin của người dân.

e) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã Ủy ban nhân dân xã tích cực đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2026¹⁷ trong đó tập trung tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ mới, về các lĩnh vực quản lý nhà nước, về đổi mới sáng tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số dành cho công chức cấp tỉnh và cấp xã và bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2026-2031. Tích cực đăng ký các lớp bồi dưỡng Sở Nội vụ tổ chức và tích cực tham gia đầy đủ các lớp do Sở tổ chức.

g) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước

Ủy ban nhân dân xã đang triển khai thực hiện Kết luận số 205-KL/TW của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ; Quyết định số 234/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1370/BNV-CTL&BXH ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nội vụ; chỉ đạo Phòng Văn hóa – Xã hội hướng dẫn, phúc đáp về giải quyết chính sách, chế độ tiền lương, phụ cấp theo quy định cho các cơ quan, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

Hoàn thành việc xử lý các cơ sở nhà, đất dôi dư trên địa bàn xã 10/14 cơ sở nhà đất dư dôi; đang thực hiện xây dựng đơn giá cho thuê đối với 04 nhà đất dôi dư chưa hoàn thành, dự kiến hoàn thành trước ngày 30/9/2026.

Tổng kế hoạch vốn được giao trong năm 2026: 4.275 triệu đồng (Trong đó: Thực hiện tiết kiệm chi 5% kế hoạch quy định tại Quyết định số 2691/QĐUBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: 213 triệu đồng) đã thực hiện giải ngân 2.668,084 triệu đồng, đạt 65,68% . Số vốn còn lại chưa giải ngân 1.393,916 triệu đồng.

Ban hành các quyết định giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp theo qui định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tại các Quyết định: số 59 ngày 30/12/2026 về việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND xã; số 70/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 về việc giao quyền tự chủ cho Trung

¹⁶ Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 04/5/2026 của UBND xã về Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xã Ba Vi

¹⁷ Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 25/7/2025

tâm cung ứng dịch vụ công giai đoạn 2026-2030 . Chưa thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026.

Thực hiện Công văn số 6684/STC-QLNS ngày 31/7/2026 về việc nộp trả ngân sách tỉnh theo kiến nghị kiểm toán năm 2026, UBND xã Ba Vi đã nộp trả ngân sách nhà nước với số tiền 418.149.352 đồng

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

**** Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số***

UBND xã đã tập trung cụ thể hóa các chủ trương, nhiệm vụ của Trung ương và của tỉnh bằng các kế hoạch, văn bản chỉ đạo, đơn đốc và phối hợp thực hiện. Trong kỳ, xã đã ban hành 05 kế hoạch trọng tâm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và Phong trào “Bình dân học vụ số”; đồng thời ban hành 08 văn bản về kiểm soát, cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

- Kế hoạch số 172/KH-UBND ngày 11/8/2026 về triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã.

- Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 13/8/2026 triển khai Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030.

- Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 13/8/2026 triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” giai đoạn 2026 - 2030.

- Kế hoạch số 173/KH-UBND triển khai các nội dung hợp tác giữa UBND xã Ba Vi và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026; cùng kế hoạch tuyên truyền thực hiện Kế hoạch số 288/KH-UBND của UBND tỉnh.

- Phòng Văn hóa - Xã hội được giao làm đầu mối tham mưu, theo dõi công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Trung tâm Phục vụ hành chính công xã làm đầu mối tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính; Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp quản lý văn bản, điều hành; Phòng Kinh tế tham mưu nội dung tài chính, đầu tư và mua sắm. Xã duy trì 10 Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn để hỗ trợ triển khai nhiệm vụ tại cơ sở.

**** Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật***

- Qua rà soát trong tháng 8/2026, các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi tổng hợp của xã hiện có 64 máy tính, 39 máy in, 08 máy quét tài liệu, 06 thiết bị mạng, 03 đường truyền Internet/mạng truyền số liệu chuyên dùng và 03 hệ thống mạng nội bộ. Trong đó, 62/64 máy tính và 37/39 máy in hoạt động tốt; 02 máy tính và 02 máy in cần sửa chữa hoặc nâng cấp.

- Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã bố trí 01 Kiosk tra cứu, nộp dịch vụ công trực tuyến; 01 hệ thống lấy số xếp hàng tự động; 01 camera giám sát; 01 màn hình hiển thị; 05 máy tính bảng phục vụ đánh giá mức độ hài lòng; 01 chữ ký số công vụ của tổ chức và 06 chữ ký số công vụ cá nhân. Các thiết bị cơ bản đáp ứng việc tiếp nhận, số hóa và xử lý hồ sơ, nhưng nhiều máy tính được tiếp nhận từ các xã cũ có cấu hình thấp; diện tích làm việc khoảng 36 m² còn chật, chưa thuận lợi khi số lượng công dân tăng.

- Xã chưa được trang bị thiết bị bảo mật chuyên dụng như tường lửa, IPS/IDS và chưa có hệ thống giám sát an toàn thông tin riêng; việc giám sát chủ yếu phụ thuộc hệ thống tập trung của tỉnh. Kết quả rà soát cũng ghi nhận 49/94 phần mềm cài đặt trên thiết bị chưa có bản quyền hợp pháp.

**** Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng***

- UBND xã khai thác thường xuyên các hệ thống, nền tảng số dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp, gồm: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành iOffice; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Một cửa điện tử; Cổng dịch vụ công; nền tảng định danh điện tử VNeID; hệ thống đánh giá sự hài lòng iGate; Mạng bưu chính KT1; Trang thông tin điện tử của xã và các phần mềm chuyên ngành. Việc xử lý văn bản điện tử, ký số, theo dõi tiến độ hồ sơ và trao đổi công việc trên môi trường mạng được duy trì thường xuyên.

- Qua rà soát, xã không có hệ thống thông tin hoặc nền tảng số riêng do xã đầu tư, xây dựng và trực tiếp quản trị độc lập. Việc vận hành, kết nối và xử lý sự cố phụ thuộc vào hạ tầng, phần mềm dùng chung của tỉnh và các bộ, ngành.

**** Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu***

- Các cơ quan chuyên môn thực hiện cập nhật, khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý và giải quyết thủ tục hành chính trên các cơ sở dữ liệu, phần mềm chuyên ngành được cấp có thẩm quyền cung cấp. Xã đã tổ chức rà soát, chuẩn hóa dữ liệu cán bộ, công chức để phục vụ đồng bộ giữa các hệ thống; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và khai thác dữ liệu định danh, dân cư trong quá trình tiếp nhận hồ sơ khi hệ thống cho phép.

- Địa phương chưa xây dựng cơ sở dữ liệu dùng riêng. Chất lượng, khả năng kết nối và chia sẻ dữ liệu phụ thuộc vào các hệ thống của tỉnh, của bộ, ngành; một số phần mềm chuyên ngành chưa liên thông đầy đủ nên việc đối soát, thống kê còn chênh lệch. Số liệu định lượng về tỷ lệ số hóa hồ sơ và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu trong kỳ chưa được hệ thống tổng hợp đầy đủ, thống nhất.

**** Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ***

- Hệ thống iOffice được triển khai đến cán bộ, công chức để xử lý văn bản, hồ sơ công việc; văn bản điện tử được ký số theo quy định. Các cơ quan chuyên môn sử dụng tài khoản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phần mềm chuyên ngành và các nền tảng báo cáo do tỉnh, bộ, ngành cung cấp. Qua đó, việc chuyển nhận văn bản, giao việc, theo dõi tiến độ và tổng hợp báo cáo từng bước được thực hiện trên môi trường điện tử.

- UBND xã đã triển khai rà soát phần mềm trên máy tính làm việc, cập nhật hệ điều hành, trình duyệt, phần mềm văn phòng và phần mềm giải nén; tuyên truyền phòng tránh liên kết, tệp tin không rõ nguồn gốc; phối hợp khắc phục các lỗ hổng bảo mật theo cảnh báo của cơ quan chức năng. Tuy nhiên, xã chưa có cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; hiện có 01 người thực hiện nhiệm vụ theo hình thức kiêm nhiệm và chưa được đào tạo đúng chuyên ngành.

6. Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Trung tâm Phục vụ hành chính công xã duy trì tiếp nhận, xử lý và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; niêm yết thủ tục hành chính qua mã

QR, Kiosk và Trang thông tin điện tử; hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID và các tiện ích số. Các Tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại thôn, nhất là người lớn tuổi và người còn hạn chế kỹ năng số.

- Theo số liệu đã tổng hợp cho giai đoạn từ ngày 01/7/2025 đến ngày 01/7/2026, xã tiếp nhận 2.120 hồ sơ; đã giải quyết 2.064 hồ sơ, đang giải quyết 30 hồ sơ, còn 26 hồ sơ chưa giải quyết hoặc đã rút. Có 1.842 hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, đạt 86,89% tổng số hồ sơ tiếp nhận và tương ứng khoảng 89,2% số hồ sơ đã giải quyết.

- Kết quả đánh giá trực tiếp với 138 lượt ghi nhận cho thấy 92% rất hài lòng và 8% hài lòng; mức độ hài lòng ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt 94,34%. Trong kỳ không phát sinh phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục hành chính theo số liệu xã đã báo cáo.

7. Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh

- Ba Vì là xã miền núi nên chưa triển khai dự án đô thị thông minh riêng. Một số thành phần có tính chất hỗ trợ quản trị thông minh đã được ứng dụng tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, như Kiosk tra cứu và nộp hồ sơ trực tuyến, hệ thống lấy số xếp hàng tự động, camera giám sát, màn hình công khai tiến độ và thiết bị đánh giá sự hài lòng. Trang thông tin điện tử và hệ thống truyền thanh được sử dụng để cung cấp thông tin, tuyên truyền đến người dân.

- Việc phát triển các tiện ích thông minh còn gặp khó khăn do thiếu kinh phí, hạ tầng viễn thông chưa đồng đều, chưa phủ đầy đủ các điểm dân cư vùng sâu, vùng xa và chưa có nền tảng tích hợp dữ liệu riêng tại cấp xã.

8. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4

- Đối với nội dung yêu cầu báo cáo về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4, xã tổng hợp theo nhóm dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần đang được sử dụng trên hệ thống. Trong 2.120 hồ sơ tiếp nhận của kỳ số liệu, có 1.557 hồ sơ trực tuyến, đạt 73,44%; trong đó có 386 hồ sơ trực tuyến toàn trình, chiếm 18,21% tổng số hồ sơ.

- Xã tiếp tục bố trí cán bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để hỗ trợ tạo tài khoản, kê khai, số hóa, thanh toán và nộp hồ sơ trực tuyến. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân tự thực hiện tại nhà còn thấp; nhiều trường hợp vẫn cần cán bộ hoặc Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ do thiếu thiết bị, tài khoản thanh toán, chữ ký số hoặc kỹ năng thao tác.

Một số chỉ tiêu tổng hợp

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Tổng số hồ sơ tiếp nhận	2.120 hồ sơ	01/7/2025 - 01/7/2026
Hồ sơ đã giải quyết	2.064 hồ sơ (97,36%)	Theo báo cáo đã tổng hợp
Hồ sơ đúng và trước hạn	1.842 hồ sơ	86,89% tổng hồ sơ; 89,2% hồ sơ đã giải quyết

Chỉ tiêu	Kết quả	Ghi chú
Hồ sơ trực tuyến	1.557 hồ sơ (73,44%)	Trong đó 386 hồ sơ toàn trình
Mức độ hài lòng	94,34%	Theo hệ thống của tỉnh
Nhân lực CNTT, chuyển đổi số	01 người kiêm nhiệm	Chưa có nhân lực chuyên trách
Máy tính	64 máy; 62 máy hoạt động tốt	02 máy cần sửa chữa/nâng cấp

-Trang thông tin điện tử: Cổng thông tin điện tử xã (<https://baviquangngai.gov.vn/>) hoạt động hiệu quả. Trong kỳ đã đăng tải trên 852 tin, bài, văn bản chỉ đạo điều hành. Tuy nhiên, số lượng tin bài đôi lúc còn hạn chế do thành viên Ban biên tập phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ công tác.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Trong quý III năm 2026, công tác CCHC trên địa bàn xã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ; các nhiệm vụ CCHC được triển khai kịp thời, bám sát kế hoạch đề ra và đạt được nhiều kết quả tích cực.

2. Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2026, bảo đảm bám sát Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ (*ban hành tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021*) và Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 (*ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ*).

3. Ngay từ đầu năm, trên cơ sở Kế hoạch CCHC năm 2026 đã được ban hành, xã Ba Vi đã xác định 58 nhiệm vụ cụ thể trên tất cả các lĩnh vực CCHC; đồng thời thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm tiến độ và chất lượng theo yêu cầu đề ra. Công tác CCHC tiếp tục được quan tâm đẩy mạnh; việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, kết nối, chia sẻ dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp. Hạ tầng số, các hệ thống thông tin, nền tảng dùng chung của tỉnh được duy trì vận hành ổn định, từng bước hoàn thiện, phục vụ hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số.

4. Công tác CCHC trên địa bàn xã đã có nhiều chuyển biến tích cực, ngày càng đi vào nền nếp, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, kết quả các Chỉ số PAR Index, SIPAS năm 2025 của tỉnh còn thấp, không như mong muốn, đòi hỏi các cấp, các ngành, địa phương tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế, phân đầu cải thiện kết quả các Chỉ số trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Tỉnh ủy.

2. Chỉ đạo thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ đề ra trong quý IV năm 2026 tại Kế hoạch CCHC năm 2026 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tăng cường thông tin, tuyên truyền về ý nghĩa, kết quả các chỉ số PAR Index, SIPAS, PCI năm 2025 tới đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người dân, tổ chức để nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận xã hội đối với công tác CCHC và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế theo Kế hoạch Cải thiện và nâng cao Chỉ số Cải cách hành chính (*PAR Index*), Chỉ số Hải lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*SIPAS*).

3. Tiếp tục tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; đồng thời nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến những quy định hành chính.

4. Triển khai thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức; tiếp tục triển khai sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo đúng quy định pháp luật.

5. Tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác CCHC quý III năm 2026 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2026 của xã Ba Vì, kính báo cáo Sở Nội vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã; } B/c
- CT, PCT UBND xã;
- Công an xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc xã;
- VP: CVP, PCVP.
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT, P.VHXX(Hên).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Duy Diễn

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III NĂM 2026 CỦA UBND XÃ BA VÌ
(Kèm theo Báo cáo số 312 /BC-UBND ngày 9 /9/2026 của
UBND xã Ba Vì)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chi tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	24	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	41	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	58	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	33	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	2 lần

Biểu mẫu 2

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	0	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	Văn bản		
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL		0	
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	Văn bản		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	Văn bản		

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%		
2.2.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,36	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	658	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	605	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	5	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	5	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	32	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	32	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	177	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	172	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	4	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	52,275	Đến 31/8/2026
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	10,319	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	9	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	5	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
3.1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
3.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
3.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	74	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	Thủ tục	320	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	Thủ tục	433	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	73	
4.2.1.	Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	Thủ tục	635	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	463	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	100	
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	119	
4.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	119	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	67	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	516	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	344	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	343	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	343	